

CẤU TRÚC 1-2-3-4 VỚI BIỂU ĐỒ CÓ NHIỀU MỐC THỜI GIAN

Một biểu đồ có 2 năm trở lên mới được tính là biểu đồ thay đổi theo thời gian, mới có xu hướng (tăng giảm, giữ nguyên hay dao động). Nếu biểu đồ chỉ có 1 cột mốc thời gian thì nó thuộc vào dạng khác (biểu đồ không có thời gian).

TÍNH TỪ	TRẠNG TỪ
Nhẹ nhàng: Slight; minimal; marginal	Nhẹ nhàng: Slightly, minimally; marginally
Ổn định: steady, gradual, progressive	Ổn định: Steadily, gradually, progressively
Thất thường: erratical, sporadical	Thất thường: erratically; sporadically
Mạnh mẽ: substantial, sharp, marked, exponential, significant.	Mạnh mẽ: substantially, sharply, markedly, exponentially, significantly, dramatically.
TÍNH TỪ + DANH TỪ = CỤM DANH TỪ	TRẠNG TỪ ĐI TRƯỚC/ SAU ĐỘNG TỪ

	Verb	Noun
Tăng	Rise	A rise
	Increase	An increase
	Grow	Growth
	Boom	A boom
	Rocket	An upward trend
	Go up	
Giảm	Decrease	A decrease
	Decline	A decline
	Fall	A fall
	Drop	A drop
	Go down	A reduction
		A downward trend
Không thay đổi	Remain stable	A plateau
	Level out	
	Stay constant	
Dao động	Fluctuate	A fluctuation

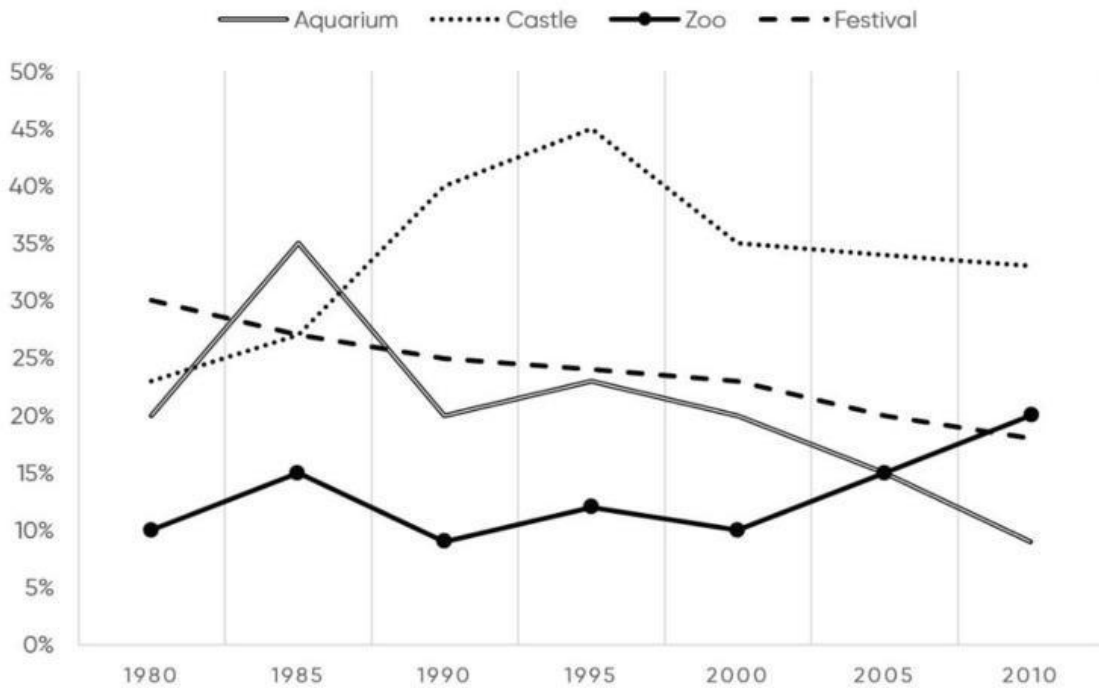
Cấu trúc 1-2-3-4 dành cho biểu đồ có thời gian (lý tưởng cho 4 đối tượng)	
Intro (1 câu)	Paraphrase những gì có trong đề bài và nhớ nè (cả trong biểu đồ) Ví dụ: đề bài chỉ nó different sectors mà bạn đếm được trong biểu đồ có 3 sectors thì cứ mạnh dạn paraphrase thông tin là 3 different factors .
Overview (2 câu)	Câu 1: Overall, it can be seen that (nói về xu hướng) Câu 2: It is also discernible/ evident that (nói vị trí)

<p>Body 1 (thường 3-4 câu)</p>	<p>Câu 1: Câu TÍNH của đối tượng A Ex1: In 1999, the number of unemployed individuals in the US was relatively low, at 6500. Ex1: In 1999, only 6500 unemployed individuals in the US were recorded. Các bạn có thể thấy, ở đây chúng ta chỉ có báo cáo số liệu DUY NHẤT 1 năm (cụ thể hơn là năm đầu)</p> <p>Câu 2: Câu ĐỘNG của đối tượng A Bởi vì vẫn là đối tượng A vì vậy chúng ta phải tận dụng triệt để việc tránh lặp từ và tối đa sự gắn kết giữa câu 1 và câu 2 bằng cách dùng cụm từ “The figure” và sau đó sử dụng cấu trúc S + V + O như bình thường khi mô tả xu hướng tăng/ giảm hay giữ nguyên. Mục tiêu của chúng ta là dùng 1 câu 2 duy nhất để nói hết các xu hướng trong biểu đồ của đối tượng A nên sẽ chọn ra tầm 3-4 xu hướng nổi bật để nói thôi. Có thể dùng before/after/prior to. Ex1: <i>The figure increased progressively before peaking at around 84 times in 1995 and staying unchanged by the end of 2000.</i> Lưu ý: Luôn cần có 3 yếu tố (What? What happened? When) nếu thiếu 1 trong 3 thì bạn khá dễ bị mất điểm.</p> <p>Câu 3: Câu SO SÁNH với đối tượng B WT1 có 3 tiêu chí, các bạn vẫn nhớ chứ? Đó là? CHỌN LỌC THÔNG TIN + BÁO CÁO SỐ LIỆU + SO SÁNH Vậy câu 3 sẽ giúp bạn làm nhiệm vụ vừa so sánh vừa báo cáo số liệu. Đây là thời điểm vàng cho chúng ta dùng câu bị động</p> <p>A (relatively) similar trend/tendency/ pattern was seen (recorded/ witnessed) in the number of/ the quantity for/ the amount of/ the data for + đối tượng B</p> <p>A (relatively) reverse trend/ tendency/ pattern was recorded (witnessed/seen) in the number for / the quantity for/ the amount of/ the data for + đối tượng B</p> <p>Ex1: <i>A similar pattern was recorded in <u>the consumption times of hamburgers</u> which started at about 9 times in 1975 but then rose exponentially to over 100 times in 2000.</i></p> <p>Nửa câu sau từ WHICH thì chúng ta miêu tả WHAT HAPPENED đối với tượng B minh họa cho việc mình nói nó na ná hoặc khang khác đối tượng A</p> <p>Câu 4: Câu 4 này optional (nghĩa là có thể viết hoặc không).</p>
--	---

	Nếu câu 3 so sánh mà bạn cảm thấy bạn k thể nhét vào được hết mọi thông tin thì hãy tách ra viết câu 4. Để nhất là viết “It started at In 1999 and then”
Body 2 (thường 3-4 câu)	<p>Body 2 thật sự là tương tự body 1 nhưng dành cho đối tượng C và D.</p> <p>Ngoài ra, nhiều bạn thắc mắc nếu bài có nhiều hơn 4 đối tượng như 6 hoặc 8 hoặc 10 thì sao. Thì chúng ta sẽ GOM nhóm và chia đều 2 body nha, ví dụ: có 8 đối tượng tất cả => chia 4 đối tượng cho mỗi body</p> <p><i>A bắt đầu ở 50 năm 1999. Số liệu này gấp đôi lên 100 năm 2000 rồi giảm nhẹ xuống 98 năm 2002. Có 1 xu hướng khá tương đồng được lặp lại cho số liệu của B, C và D, số liệu lần lượt là</i></p>

Thực hành bài tập dưới đây với **CÁCH VIẾT 1-2-3-4**

PERCENTAGE OF TOURISTS TO SCOTLAND WHO VISITED DIFFERENT ATTRACTIONS



Mở bài: Paraphrase thôi!

Tổng quan:

Câu 1: Overall, it can be seen that (nói về xu hướng)

Câu 2: It is also discernible/ evident that (nói vị trí)

BODY 1:

Câu 1: Câu tĩnh của đối tượng A (mà bạn chọn) (**Câu tĩnh** ở đây có nghĩa là chỉ miêu tả 1 năm và đó là năm đầu tiên của biểu đồ)

Câu 2: Câu động của đối tượng A (mà bạn chọn) (câu động nghĩa là có sự dịch chuyển lên xuống/ giữ nguyên/ dao động thất thường từ năm thứ 2 trở đi tới hết thời gian)

Câu 3: Câu so sánh đối tượng B (bạn có thể chọn B có chu trình na ná A hoặc khác hẳn A) để dùng câu bị động sau: **A (relatively) similar trend was seen/ recorded/ witnessed in the figure for, which started at**

Câu 4: Optional (nếu câu 3 quá dài và bạn quyết định không dùng mệnh đề quan hệ thì câu 4 có thể bắt đầu là **"It started at ... and then..."**)

BODY 2

Câu 1: Câu tĩnh của đối tượng C (mà bạn chọn) (**Câu tĩnh** ở đây có nghĩa là chỉ miêu tả 1 năm và đó là năm đầu tiên của biểu đồ)

Câu 2: Câu động của đối tượng C (mà bạn chọn) (câu động nghĩa là có sự dịch chuyển lên xuống/ giữ nguyên/ dao động thất thường từ năm thứ 2 trở đi tới hết thời gian)

Câu 3: Câu so sánh đối tượng D (bạn có thể chọn B có chu trình na ná A hoặc khác hẳn A) để dùng câu bị động sau: **A (relatively) similar trend was seen/ recorded/ witnessed in the figure for ..., which started at**

Câu 4: Optional (nếu câu 3 quá dài và bạn quyết định không dùng mệnh đề quan hệ thì câu 4 có thể bắt đầu là **"It started at ... and then..."**)

Ngoài ra đây là 1 bài có đơn vị "phần trăm", nhiều bạn sẽ thắc mắc, nói là "chiếm" thì có những cách viết nào. Các bạn tham khảo những cách sau đây:

Vậy ngôn ngữ **chiếm** bao nhiêu phần trăm thì sao?

Account for: "Exports account for 20% of the total revenue."

Constitute: "Exports constitute 20% of the total revenue."

Comprise: "The service sector comprises 30% of the workforce."

Represent: "The chart represents 15% of the entire population."

Make up/take up: "Imports make up 25% of the country's GDP."

Contribute to: "Foreign investments contribute to 10% of the country's economic growth."

Form: "The elderly population forms 12% of the total inhabitants."

Occupy: "Young adults occupy 40% of the job market."

Account for a share of: "Technology exports account for a significant share of 15% in the country's total exports."

Contribute a portion to: "Consumer spending contributes a significant portion to the country's GDP, totaling 70%."

Represent a fraction of: This phrase emphasizes that the percentage represents a fraction of a larger whole. For example, "The data represents a small fraction of 5% of the total budget."